

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 1 trang)

Thời gian làm bài: **90 phút**

(không kể thời gian phát đề)

Câu 1. (2,5 điểm)

Thực hiện phép tính:

a) $25 \cdot 18 + 25 \cdot 46 + 25 \cdot 36$

b) $200 : [28 + 2 \cdot (19 - 4 \cdot 2)]$

c) $180 : 3^2 + 3 \cdot 4^2$

Câu 2. (1,5 điểm)

Tìm x, biết:

a) $9 \cdot (x - 6) + 20 = 56$

b) x là các số nguyên thỏa mãn: $-2 \leq x < 2$

Câu 3. (1,5 điểm)

Tìm ƯCLN và ƯC của các số 36, 54, 90.

Câu 4. (1,5 điểm)

Số học sinh khối 6 của một trường khi xếp hàng 12, hàng 15, hàng 18 đều thừa 1 học sinh. Tính số học sinh khối 6 biết rằng số đó trong khoảng từ 500 đến 600.

Câu 5. (2 điểm)

Vẽ tia Ox. Trên tia Ox, lấy hai điểm B, C sao cho $OB = 3\text{cm}$, $OC = 4\text{cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng BC.

b) Lấy điểm A nằm giữa hai điểm O và B sao cho $OA = 2\text{cm}$. Vì sao điểm B là trung điểm của đoạn thẳng AC?

Câu 6. (0,5 điểm)

Cho các số liệu sau (theo Niên giám 2018)

Nước	Diện tích (Nghìn km^2)
Bru-nây	6
Cam-pu-chia	181
In-đô-nê-xi-a	1914
Lào	237
Ma-lai-xi-a	330
Mi-an-ma	677
Phi-lip-pin	300
Xin-ga-po	1
Thái Lan	513
Ti-mo Lét-xtê	15
Việt Nam	331

Viết tập hợp A gồm năm nước có diện tích lớn nhất.

Câu 7. (0,5 điểm)

Bán kính Trái Đất là 6380km. Xác định khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trăng, biết rằng nó là một trong các số 191 000 km, 520 000 km, 384 000 km và khoảng cách đó gấp độ 60 lần bán kính Trái Đất.

HẾT.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 – 2020
Môn: TOÁN 6
HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1. (2,5 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $25 \cdot 18 + 25 \cdot 46 + 25 \cdot 36$
 $= 25 \cdot (18 + 46 + 36) = 25 \cdot 100 = 2500$ 0,25 x 3

b) $200 : [28 + 2 \cdot (19 - 4 \cdot 2)]$
 $= 200 : [28 + 2 \cdot (19 - 8)]$ 0,25
 $= 200 : [28 + 2 \cdot 11]$ 0,25
 $= 200 : [28 + 22] = 200 : 50$ 0,25
 $= 4$ 0,25

c) $180 : 3^2 + 3 \cdot 4^2$
 $= 180 : 9 + 3 \cdot 16$ 0,25
 $= 20 + 48$ 0,25
 $= 68$ 0,25

Câu 2. (1,5 điểm) Tìm x, biết:

a) $9 \cdot (x - 6) + 20 = 56$
 $9 \cdot (x - 6) = 56 - 20$ 0,25
 $9 \cdot (x - 6) = 36$ 0,25
 $x - 6 = 36 : 9$
 $x - 6 = 4$ 0,25
 $x = 4 + 6$
 $x = 10$ 0,25

b) $x = -2; -1; 0; 1$ 0,25 x 2

Câu 3. (1,5 điểm) Tìm ƯC và ƯCLN của các số 36, 54, 90

$36 = 2^2 \cdot 3^2$ 0,25
 $54 = 2 \cdot 3^3$ 0,25
 $90 = 2 \cdot 3^2 \cdot 5$ 0,25
 $ƯCLN(36; 54; 90) = 2 \cdot 3^2 = 2 \cdot 9 = 18$ 0,25
 $ƯC(36; 54; 90) = Ư(18)$ 0,25
 $= \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$ 0,25

Câu 4. (1,5 điểm)

Gọi số học sinh khối 6 là x ; $500 \leq x \leq 600$

Ta có $(x-1) \div 12$; $(x-1) \div 15$; $(x-1) \div 18$

$$(x-1) \in BC(12; 15; 18) \quad 0,25$$

$$12 = 2^2 \cdot 3$$

$$15 = 3 \cdot 5$$

$$18 = 2 \cdot 3^2$$

$$BCNN(12, 15, 18) = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5 = 180 \quad 0,5$$

$$BC(12, 15, 18) = B(180) = \{0; 180; 360; 540; 720; \dots\} \quad 0,25$$

$$\text{Vì } 500 \leq x \leq 600 \text{ nên } x-1 = 540 \quad 0,25$$

$$x = 540 + 1$$

$$x = 541$$

Vậy số học sinh khối 6 của trường là $540 + 1 = 541$ học sinh 0,25

Câu 5. (2 điểm)

a) Điểm B nằm giữa hai điểm O và C nên

$$OB + BC = OC \quad 0,25$$

$$3 + BC = 4 \quad 0,25$$

$$BC = 4 - 3 \quad 0,25$$

$$BC = 1 \text{ (cm)} \quad 0,25$$

b) Điểm A nằm giữa hai điểm O và B nên:

$$OA + AB = OB \quad 0,25$$

$$2 + AB = 3$$

$$AB = 1 \text{ (cm)} \quad 0,25$$

Vì điểm B nằm giữa hai điểm A và C,

$$AB = BC = 1 \text{ (cm)} \quad 0,25$$

Nên điểm B là trung điểm của đoạn thẳng AC 0,25

(lưu ý: học sinh có thể làm theo cách khác vẫn chấm đủ điểm)

Câu 6. (0,5 điểm)

Tập hợp A gồm năm nước có diện tích lớn nhất:

$$A = \{\text{In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a}\} \quad 0,5$$

Câu 7. (0,5 điểm)

$$\text{Ta có: } 6380 \cdot 60 = 382\,800 \quad 0,25$$

Trong các số 191 000, 520 000, 384 000, số sát nhất với số 328 800 là số 384 000.

Vậy khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trăng là 384 000km. 0,25

HẾT.